

NHÌN LẠI HAI KÌ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TOÁN VÀ TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 5 (2011, 2014)

BẠCH THỊ BÌNH*

Ngày nhận bài: 22/06/2016; ngày sửa chữa: 22/06/2016; ngày duyệt đăng: 27/06/2016.

Abstract: Looking back at 2 national evaluation surveys (in 2011 and 2014) on grade 5 learning outcomes in Vietnamese language and Math in term of organization and achieved results, the article shares experiences and significant improvement of education quality in Vietnam. The article also proposes recommendations on innovation of teaching contents and methods to improve quality of education in primary education.

Keywords: National survey (in 2011 and 2014), Grade 5, Math and Vietnamese language.

Từ năm 2001 đến 2014, Bộ GD-ĐT đã thực hiện 4 kì khảo sát đánh giá kết quả học tập hai môn *Toán* và *Tiếng Việt* của học sinh (HS) lớp 5 trên phạm vi toàn quốc vào các năm 2001, 2007, 2011 và 2014. Chương trình *Đảm bảo chất lượng giáo dục trường học* (SEQAP) được Bộ giao nhiệm vụ thực hiện 2 kì khảo sát vào các năm 2011 và 2014.

1. Kì khảo sát đánh giá năm 2011

Đây là lần khảo sát thứ ba được triển khai trong bối cảnh giáo dục tiểu học đang mở rộng dần mô hình thử nghiệm trường tiểu học dạy học cả ngày.

1.1. Mục tiêu kì khảo sát: - Triển khai trên quy mô toàn quốc cuộc khảo sát HS lớp 5 vào cuối năm học để đánh giá kết quả học tập hai môn học công cụ: *Toán*, *Tiếng Việt*; - Thu thập những thông tin về đối tượng HS được khảo sát để có thể đánh giá tác động từ các điều kiện của HS và gia đình (giới tính, dân tộc, điều kiện KT-XH,...) và từ các yếu tố về môi

trường dạy và học đối với kết quả học tập của HS; - Thu thập những thông tin về giáo viên (GV) dạy lớp 5 và hiệu trưởng để có thể đánh giá tác động của chất lượng GV, chất lượng hoạt động lãnh đạo, quản lí của nhà trường đối với kết quả học tập của HS; - So sánh kết quả học tập của HS lớp 5 năm 2011 với năm 2007 để đưa ra nhận định; - Đánh giá kết quả học tập của HS lớp 5 ở 36 tỉnh thuộc SEQAP, năm 2011 (kết quả này được dùng làm cơ sở so sánh với kết quả học tập của HS lớp 5 năm 2014, như một phần của việc đánh giá hiệu quả SEQAP); - Tăng cường năng lực chuyên gia và cán bộ quản lí giáo dục về đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học trên quy mô toàn quốc (ở các phương diện thiết kế, triển khai, phân tích kết quả khảo sát), đáp ứng quy chuẩn quốc tế về tính khách quan và độc lập; - Đề xuất kiến nghị đối với Bộ

* Chuyên gia tư vấn SEQAP

GD-ĐT và SEQAP nhằm cải thiện chất lượng nhà trường tại Việt Nam, dựa trên kết quả khảo sát năm 2011.

1.2. Quy mô, đối tượng chọn mẫu khảo sát. Kỳ khảo sát 2011 được triển khai trên quy mô toàn quốc gồm 63 tỉnh/ thành phố (TP), trong đó có 36 tỉnh tham gia SEQAP, với dự kiến ban đầu khoảng 3.600 trường, mỗi trường chọn 20 HS lớp 5; 2 GV lớp 5 và hiệu trưởng nhà trường. Mẫu chính thức 3.657 trường, trong đó có 452 trường SEQAP. Tổng số HS được chọn tham gia khảo sát là 72.398 em, trong đó có 8.954 em thuộc các trường SEQAP.

1.3. Xây dựng bộ công cụ khảo sát. Thiết kế các bộ công cụ khảo sát là một trong những hoạt động quan trọng bậc nhất đối với mỗi kỳ khảo sát. Bộ công cụ được xây dựng bao gồm: - Bộ đề kiểm tra (theo hình thức trắc nghiệm và tự luận) 2 môn *Toán*, *Tiếng Việt* dành cho HS lớp 5 và đề kiểm tra nghiệp vụ sư phạm dành cho GV dạy lớp 5; - Bộ phiếu hỏi dành cho các đối tượng tham gia khảo sát.

1.3.1. Bộ đề kiểm tra. Hoạt động thiết kế đề kiểm tra dành cho HS được các chuyên gia bắt đầu từ việc xây dựng bảng tiêu chí kỹ thuật đề kiểm tra (test blueprint) tương ứng với mỗi lĩnh vực nội dung và mức độ nhận thức (*nhận biết, thông hiểu, vận dụng*). Các bộ đề cho hai môn *Toán* và *Tiếng Việt* được xây dựng gồm cả câu hỏi trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận. Trong đó, các câu hỏi “bắc cầu” được lựa chọn nhằm so sánh kết quả giữa 3 năm 2001, 2007 và 2011. Để hạn chế tình trạng quay cốp của HS, đề kiểm tra gốc được thiết kế thành 2 đề (gọi là đề 1 và đề 2), theo cách thay đổi vị trí một số câu hỏi hoặc vị trí các phương án trả lời của một câu hỏi. Đề kiểm tra GV được xem như là

phần bổ sung cho đặc điểm GV tiểu học, cụ thể là những kiến thức, kỹ năng giảng dạy hai môn *Toán* và *Tiếng Việt*.

1.3.2. Bộ phiếu hỏi dành cho các đối tượng khảo sát. Có 3 phiếu hỏi dành cho HS lớp 5, GV dạy lớp 5 và hiệu trưởng trường tiểu học. Mỗi phiếu hỏi gồm 45-50 câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm nhiều phương án, đối tượng trả lời cần lựa chọn một phương án phù hợp. Nội dung các câu hỏi liên quan đến các lĩnh vực như: thông tin cá nhân, điều kiện sống và làm việc tại gia đình, đặc điểm của nhà trường, công tác quản lý nhà trường, năng lực nghề nghiệp của từng đối tượng,...

1.4. Triển khai khảo sát thử nghiệm và tập huấn khảo sát chính thức

1.4.1. Khảo sát thử nghiệm. Sau thẩm định lần thứ nhất, các bộ đề kiểm tra và bảng hỏi được thử nghiệm tại 30 trường tiểu học thuộc 3 huyện/thị của 3 tỉnh: *Vĩnh Phúc* (TP. Vĩnh Yên, huyện Yên Lạc và huyện Tam Đảo); *Thanh Hóa* (TP. Thanh Hóa, huyện Hậu Lộc và huyện Thạch Thành) và *Sóc Trăng* (TP. Sóc Trăng, huyện Ngã Năm và huyện Cù Lao Dung). Mỗi trường lựa chọn 30 HS làm bài 2 môn *Toán* và *Tiếng Việt*, trả lời bảng hỏi; chọn 2 GV dạy lớp 5 trả lời bảng hỏi và làm bài kiểm tra trắc nghiệm, hiệu trưởng trả lời bảng hỏi.

Tài liệu hướng dẫn tổ chức thử nghiệm được biên soạn nhằm hướng dẫn các giám sát viên, khảo sát viên (KSV), cán bộ quản lý và GV các trường thử nghiệm sử dụng. HS được hướng dẫn cách thức làm bài trắc nghiệm, sau đó có 45 phút làm bài, nghỉ 15 phút và tiếp tục làm bài phần tự luận trong thời gian 20 phút tiếp theo. Sau khi làm xong bài khảo sát, HS được dành thời gian trả lời phiếu hỏi dưới sự hướng dẫn của KSV.

1.4.2. Tập huấn khảo sát. Nhằm đảm bảo kế hoạch và quy trình kĩ thuật của đợt khảo sát, việc tập huấn được thực hiện theo trình tự sau: 1) Tập huấn cốt cán của Sở GD-ĐT và cán bộ giám sát cấp trung ương: Đây là đợt tập huấn do Bộ giao SEQAP, Vụ Giáo dục tiểu học và Cục Khảo thí chủ trì. Đối tượng tham gia gồm lãnh đạo Sở, lãnh đạo Phòng Giáo dục tiểu học và Phòng Kế hoạch Tài chính Sở. Các cốt cán cấp tỉnh sẽ trực tiếp làm giảng viên tập huấn cho KSV và đại diện Tổ thực hiện khảo sát các huyện tại tỉnh; 2) Tập huấn cho phòng GD-ĐT, các trường tham gia khảo sát: Các Sở GD-ĐT chịu trách nhiệm và hoàn thành việc tập huấn cho Tổ thực hiện khảo sát của các Phòng GD-ĐT, hiệu trưởng các trường tiểu học được chọn mẫu khảo sát của địa phương. Cán bộ tập huấn là các tập huấn viên cốt cán cấp tỉnh đã được tập huấn ở Trung ương; 3) Tập huấn cho các đối tượng khảo sát (hiệu trưởng, GV và HS): các KSV chịu trách nhiệm tập huấn tại trường cho hiệu trưởng, GV và HS. Nội dung tập huấn bao gồm những vấn đề thiết thực, cụ thể như: mục đích, yêu cầu khảo sát; cách ghi mã số; kĩ thuật trả lời câu hỏi và làm bài trắc nghiệm.

1.4.3. Thực hiện khảo sát chính thức. Nhằm tổ chức kì khảo sát đảm bảo tính khoa học, khách quan và an toàn, Bộ GD-ĐT có công văn quy định lịch khảo sát thống nhất trên toàn quốc, các hoạt động của tổ thực hiện khảo sát Phòng GD-ĐT và KSV được thực hiện theo trình tự dưới đây: 1) Chuẩn bị trước khi khảo sát: - Trước thời

điểm khảo sát 1 ngày, KSV phải nhận và kiểm tra đầy đủ và có trách nhiệm bảo quản các tài liệu đã nhận, tránh mất mát, hư hỏng các loại tài liệu, gồm: các bì đựng đề kiểm tra được niêm phong, các bì đựng bộ bảng hỏi, tài liệu hướng dẫn; - KSV làm việc với hiệu trưởng để thông báo cho hiệu trưởng nhà trường kế hoạch và lịch làm việc tại nhà trường trong các ngày khảo sát, đề nghị hiệu trưởng hỗ trợ thực hiện một số công việc như bố trí phòng học làm các bài khảo sát, lựa chọn mẫu HS và GV tham gia khảo sát. 2) Khảo sát tại trường tiểu học: Theo quy định, việc thực hiện khảo sát được tiến hành trong 2 ngày, trong đó ngày thứ nhất tổ chức GV, hiệu trưởng trả lời phiếu hỏi, tập trung HS để hướng dẫn những việc cần chuẩn bị, ngày thứ 2 cho HS làm bài khảo sát môn *Tiếng Việt* buổi sáng, làm bài môn *Toán* và trả lời phiếu hỏi buổi chiều. Bài khảo sát được niêm phong gửi về Sở GD-ĐT và chuyển ngay về Bộ trong thời gian nhanh nhất.



Học sinh Trường Tiểu học Lương Năng - Văn Quan - Lạng Sơn trao đổi nhóm

1.5. Đánh giá chất lượng học tập của HS qua kết quả khảo sát

1.5.1. Về chất lượng học tập HS lớp 5: - Hầu hết HS lớp 5 đều đạt yêu cầu (theo chuẩn) chương trình hai môn *Toán, Tiếng Việt*, tức là các em có thể tiếp thu được kiến thức môn học ở lớp 6; - Kết quả học tập được phân tích theo các nhóm HS: HS thành thị và nông thôn, HS nông thôn và vùng sâu, xa có kết quả tương đương về môn *Toán*, nhưng có chênh lệch đáng kể về môn *Tiếng Việt*, Sự khác biệt giữa các trường trong mỗi vùng còn khá cao, nhất là đối với vùng sâu, xa; HS người Kinh đạt kết quả cao hơn HS người dân tộc thiểu số ở cả hai môn, nhóm HS ở những gia đình có điều kiện KT-XH cao có kết quả cao hơn đáng kể so với nhóm HS từ gia đình có điều kiện KT-XH thấp; - Có sự tiến bộ rõ rệt về kết quả học tập (thể hiện qua điểm trung bình môn *Toán* và môn *Tiếng Việt*) của HS lớp 5 từ năm 2007-2011 trên toàn quốc, ở từng khu vực và từng tỉnh.

1.5.2. Công bằng thể hiện qua kết quả học tập. Trong giai đoạn 2001-2011, giáo dục tiểu học Việt Nam đã khắc phục được một phần sự bất bình đẳng trong kết quả học tập giữa các nhóm HS. Cụ thể: đã thu hẹp khoảng cách về kết quả học tập giữa thành thị và khu vực vùng sâu vùng xa, trong đó HS khu vực sâu xa tiến bộ nhanh nhất, tiếp đến là nông thôn và thành thị; đã thu hẹp khoảng cách kết quả học tập giữa HS người Kinh và người dân tộc thiểu số ở năm 2011 so với năm 2007. Mặc dù có tiến bộ song kết quả học tập của HS lớp 5 vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn thấp so với các vùng miền khác ở cả hai môn *Toán* và *Tiếng Việt*, vì vậy cần có nghiên cứu đề xuất chính sách riêng để nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học của vùng này.

1.5.3. Các yếu tố đầu vào và nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập HS. Có 11 nhân tố tác động quan trọng nhất đến kết quả học tập của HS, trong đó có 6 nhân tố quan trọng nhất là: - Hoạt động quản lí, hoạt động giáo dục và thời lượng dạy học của trường; - Khả năng và hứng thú học tập của HS; - Điều kiện KT, XH và sự chăm sóc, dạy bảo của gia đình với HS; - Tỷ lệ GV nữ; - Năng lực giảng dạy của GV; - Cơ sở vật chất và sách, tài liệu tham khảo của trường, lớp.

1.5.4. Về kết quả học tập ở trường học cả ngày (FDS) và trường học nửa ngày (HDS), trường SEQAP và không tham gia SEQAP (Non-SEQAP). Kết quả học tập của HS các trường FDS cao hơn hẳn HS các trường HDS, nguyên nhân chính là các trường FDS đã có những thay đổi lớn trong nhận thức và cơ chế quản lí nhà trường theo hướng: coi trọng giáo dục toàn diện từ khâu lập kế hoạch đến phân phối thời lượng và thực hiện chương trình giáo dục; đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học chính khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo,... trên cơ sở tăng cường các điều kiện về tỉ lệ GV/lớp và cơ sở vật chất nhà trường; có tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng HS ăn trưa bán trú tại trường.

1.5.5. Khuyến nghị về GV và cán bộ quản lí trong dạy học và quản lí nhà trường. Trên cơ sở phân tích kết quả học tập của HS lớp 5 năm học 2010-2011, nhóm chuyên gia đã xây dựng tài liệu hỗ trợ GV tiểu học trong bối cảnh đổi mới phương pháp dạy *Toán* và *Tiếng Việt*, hỗ trợ cán bộ quản lí giáo dục trong cải tiến công tác quản lí nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học ở Việt Nam.

Các chuyên gia đã xem xét các bài khảo sát với mục đích phát hiện và phân tích các lỗi của HS khi trả lời câu hỏi, khái quát những dạng lỗi thường gặp của HS khi học

Toán và Tiếng Việt, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục các lỗi đó trong dạy học. Việc hướng dẫn khắc phục các lỗi bao gồm cả cách giúp HS sửa lỗi và cách dạy các khái niệm, hình thành kỹ năng để tránh lỗi ngay từ đầu. Đồng thời giúp HS không phạm phải lỗi đó trong tương lai. Đối với môn *Toán*, đã xác định được 12 loại sai lầm thường mắc của HS khi học kiến thức số học, hình học và đại lượng, từ đó đề xuất định hướng dạy học môn *Toán*, giúp HS sửa lỗi và tránh lỗi. Đối với môn *Tiếng Việt*, các tác giả cũng xác định được 9 loại sai lầm thường gặp và nguyên nhân của các sai lầm đó trong quá trình hình thành và phát triển các kỹ năng đọc hiểu, viết (viết chữ, viết chính tả, viết đoạn văn, bài văn), tiếng Việt (ngữ âm và chữ viết, từ vựng và ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản, văn học) và đưa ra các khuyến nghị về cách dạy HS sửa và tránh các sai



GD SEQAP thăm điểm trường tiểu học khó khăn của huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang

lầm nêu trên. Trên cơ sở phân tích các nhân tố tác động đến kết quả học tập của HS, báo cáo khảo sát đã đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng quản lý nhà trường, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học. Các giải pháp tập trung vào các hướng: Nâng cao chất lượng đội ngũ; Quản lý việc thực hiện chương trình dạy học; Phát huy tốt hơn tác động của một số nhân tố trong 11 nhân tố được rút ra qua khảo sát; Tăng cường chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức trường học cả ngày. Các khuyến nghị nói trên đã được các chuyên gia, GV tiểu học trong các hội thảo quốc gia đánh giá là thiết thực và mang tính khả thi cao.

1.5.6. Về chất lượng đội ngũ chuyên gia giáo dục Việt Nam tham gia khảo sát. Trải qua các kì khảo sát từ 2001, 2007-2011, có thể thấy ở nước ta đã hình thành được đội ngũ cán bộ, chuyên gia đủ năng lực tổ chức thực hiện hoạt động đánh giá chất lượng học tập trong phạm vi toàn quốc với quy trình chặt chẽ, với yêu cầu cao về phương diện khoa học và kỹ thuật thực hiện. Trừ một vài hoạt động cần đến sự tham gia trực tiếp của chuyên gia nước ngoài trong đợt khảo sát 2011, hầu hết các công việc đều được các cán bộ, chuyên gia Việt Nam đảm nhiệm và đạt được yêu cầu đề ra. Điều đó chứng tỏ năng lực của đội ngũ đã được phát triển một cách có ý nghĩa. Trong tương lai gần, chắc chắn đội ngũ chuyên gia giáo dục Việt Nam sẽ đảm đương được các đợt khảo sát chất lượng giáo dục có quy mô lớn theo khoa học đánh giá tiên tiến.

2. Kì khảo sát đánh giá năm 2014

Đây là kì khảo sát được thực hiện trong bối cảnh Bộ GD-ĐT đang chuẩn bị thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2020, đổi mới căn bản và toàn

diện giáo dục phổ thông. Trung tâm đánh giá chất lượng giáo dục (CEQE) thuộc Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ giao nhiệm vụ triển khai kĩ thuật kì khảo sát này.

2.1. Mục tiêu kì khảo sát: - Giám sát, đánh giá kết quả học tập của HS cấp tỉnh, thành phố sau một giai đoạn học tập và rèn luyện, xây dựng một hệ thống dữ liệu đánh giá trên diện rộng về kết quả học tập của HS tiểu học; - Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS lớp 5 năm học 2013-2014 ở hai môn *Toán* và *Tiếng Việt* tại 12 tỉnh/TP, có thể suy rộng cấp quốc gia; - Đánh giá tác động của SEQAP đến kết quả học tập hai môn *Toán* và *Tiếng Việt* của HS lớp 5 năm học 2013-2014; - Cung cấp mô hình đánh giá kết quả học tập của HS cho các Sở GD-ĐT để thực hiện các cuộc khảo sát tương tự với quy mô cấp tỉnh/thành phố và nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực: thiết kế các bộ công cụ khảo sát theo chuẩn quốc tế, điều hành khảo sát đánh giá kết quả học tập của HS, kĩ thuật chọn mẫu, kĩ thuật xử lí và phân tích kết quả, xây dựng các báo cáo đánh giá; - Cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách những nguồn thông tin về các xu hướng dài hạn được rút ra được từ kết quả đánh giá, đề xuất các kiến nghị giúp Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT điều chỉnh các chính sách hiện hành và xây dựng những chiến lược và chính sách mới nhằm phát triển giáo dục tiểu học nói riêng và ngành giáo dục nói chung; - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới chương trình, SGK sau năm 2015 và hội nhập quốc tế về đánh giá giáo dục.

2.2. Mẫu khảo sát. Kì khảo sát 2014 được chọn mẫu tại 12 tỉnh/TP đại diện cho 4 vùng

miền (Bắc, Trung, Nam và Tây Nguyên) trên toàn quốc. Các tỉnh/TP tham gia khảo sát gồm: - 4 tỉnh không tham gia SEQAP: Thái Bình, Phú Thọ, Thừa Thiên-Huế và TP. Cần Thơ; - 8 tỉnh tham gia SEQAP, đại diện 4 vùng miền: Lào Cai, Hòa Bình (miền Bắc); Quảng Ngãi, Quảng Trị (miền Trung); Gia Lai, Lâm Đồng (Tây Nguyên); Bến Tre, An Giang (miền Nam). Số lượng mẫu khảo sát năm 2014 của 12 tỉnh gồm 1.888 trường và điểm trường (trong đó có 320 điểm trường lẻ) với 36.216 HS, 1.599 hiệu trưởng trường tiểu học và 3.170 GV lớp 5.

2.3. Xây dựng bộ công cụ khảo sát. Việc xây dựng bộ công cụ được tuân theo quy định nghiêm ngặt tương tự các kì khảo sát cấp quốc gia trước đó: thành lập Hội đồng ra đề, Hội đồng thẩm định, xây dựng ma trận kiến thức và kĩ năng cần kiểm tra, thử nghiệm bộ công cụ, chỉnh sửa sau thử nghiệm và trình lãnh đạo Bộ phê duyệt. Tương tự kì khảo sát 2011, bộ công cụ khảo sát 2014 cũng bao gồm: Đề kiểm tra môn *Tiếng Việt* trắc nghiệm và tự luận (có 4 đề tương đương nhau), Đề kiểm tra môn *Toán* trắc nghiệm và tự luận (có 3 đề tương đương), Bảng hỏi hiệu trưởng, GV và HS. Điểm khác biệt lần khảo sát thứ tư này là đề bài không sử dụng câu hỏi “bắc cầu” của các kì khảo sát trước. Đây được coi là bắt đầu một chu kì đánh giá mới theo sự chỉ đạo của Bộ GD-ĐT.

2.4. Triển khai khảo sát thử nghiệm, tập huấn và khảo sát chính thức.

Lần khảo sát 2014 được triển khai theo 4 giai đoạn:

- **Giai đoạn 1:** Thiết kế, thử nghiệm, hoàn thiện các bộ công cụ khảo sát và chọn mẫu. Công việc cụ thể triển khai trong giai đoạn này là: Thiết kế, sửa chữa, thẩm định và hoàn thiện các bộ công cụ khảo sát; Chọn mẫu khảo sát thử nghiệm và khảo sát chính

thức; Thử nghiệm các bộ công cụ khảo sát; Phân tích, xử lý và viết báo cáo khảo sát thử nghiệm; Hoàn thiện các bộ công cụ để thực hiện khảo sát chính thức.

- **Giai đoạn 2:** Tổ chức khảo sát chính thức. Các công việc chủ yếu trong giai đoạn này là: Sao in tài liệu khảo sát chính thức, chuẩn bị văn phòng phẩm, vận chuyển tài liệu đến các trường khảo sát và thu về; Hội thảo, tập huấn khảo sát chính thức cho cán bộ Trung ương và cán bộ các tỉnh/TP; Tổ chức khảo sát chính thức tại 12 tỉnh/TP; Thu nhận các tài liệu khảo sát tại trường.

- **Giai đoạn 3:** Phân tích dữ liệu và xây dựng báo cáo, bao gồm: Tổ chức chấm bài khảo sát 9 phần tự luận, nhập dữ liệu bài khảo sát phần trắc nghiệm, phiếu hỏi; Làm sạch dữ liệu trên file; Kết nối dữ liệu giữa hiệu trưởng, GV và HS; Xử lý dữ liệu và phân tích kết quả; Xây dựng báo cáo ban đầu.

- **Giai đoạn 4:** Hoàn thành báo cáo và nghiệm thu sản phẩm. Ở giai đoạn này, các công việc chính gồm: Hội thảo với chuyên gia và cán bộ, GV các tỉnh/thành phố lấy ý kiến góp ý về báo cáo; Sửa chữa và hoàn thiện báo cáo; Trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt báo cáo.

2.5. Đánh giá chất lượng học tập của HS qua kết quả khảo sát [1]

2.5.1. Kết quả học tập của HS được đánh giá trên 2 mặt:

- **Kết quả đạt chuẩn kiến thức kĩ năng:** Ở môn *Toán*, tỉ lệ HS đạt chuẩn phần TNKQ là 69,82%, phần tự luận là 59,20%; với môn *Tiếng Việt*, tỉ lệ HS đạt chuẩn phần TNKQ là 78,39%, phần tự luận là 83,94%.

- **Kết quả đạt chuẩn năng lực:** Đối với môn *Toán*, có 50,93% HS đạt mức cận trên chuẩn trở lên, trong đó 11,20% đạt mức giỏi, 4,17% đạt mức xuất sắc; với môn *Tiếng Việt*, có 55,02% HS đạt mức cận trên chuẩn

trở lên, trong đó 13,92% đạt mức giỏi, 1,47% đạt mức xuất sắc. Tương ứng với kết quả đạt chuẩn năng lực, điểm trung bình ở môn *Toán* là 504,13 điểm, ở môn *Tiếng Việt* là 503,91 điểm (Theo phương pháp tính điểm trung bình, điểm chuẩn tối thiểu được quy định là 500).

Các kết quả trên cho thấy, trên phạm vi mẫu khảo sát, đa số HS lớp 5 đã nắm được kiến thức kĩ năng của chương trình học, nhưng còn hạn chế đáng kể về phát triển năng lực, do đó cần phải tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học.

2.5.2. Phân tích kết quả học tập của HS trường FDS và trường HDS: 1) **Kết quả đạt chuẩn kiến thức kĩ năng:** Tỉ lệ đạt chuẩn môn *Toán* của HS ở trường FDS là 76,18% phần TNKQ, 67,55% phần tự luận; ở trường HDS tỉ lệ này là 51,55% phần TNKQ, 50,45% phần tự luận. Tỉ lệ đạt chuẩn môn *Tiếng Việt* ở trường FDS là 83,12% phần TNKQ, 90,52% phần tự luận; Ở trường HDS tỉ lệ này là 72,28% phần TNKQ, 75,99% phần tự luận. Theo số liệu trên, tỉ lệ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng của HS ở các trường tổ chức học cả ngày cao hơn hẳn ở các trường tổ chức học nửa ngày; 2) **Kết quả đạt chuẩn năng lực:** Điểm trung bình môn *Toán* của HS trường FDS là 524,44, của HS trường HDS là 479,99. Điểm trung bình môn *Tiếng Việt* của HS trường FDS là 521,76, của HS trường HDS là 482,38. Có thể thấy sự chênh lệch khá nhiều về năng lực của hai nhóm trường học cả ngày và nửa ngày. Nhóm trường học cả ngày phần lớn HS có năng lực nằm ở mức cận trên chuẩn. Với nhóm trường học nửa ngày thì phần lớn HS có mức năng lực thuộc nhóm cận dưới chuẩn.

Qua đây, có thể khẳng định thời lượng học tập là một trong các nhân tố quyết định chất lượng học tập, việc phát triển trường học cả ngày ở tiểu học là một giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục, do vậy cần được tăng cường mở rộng. So sánh số liệu giữa điểm trường chính và điểm trường lẻ, kết quả học tập của HS ở những điểm trường lẻ thấp hơn đáng kể so với điểm trường chính, ngoại trừ các trường tham gia SEQAP. Do đó, cần phải tăng cường ưu tiên đầu tư về GV và cơ sở vật chất cho các điểm trường lẻ.

2.6. Đánh giá chung về kết quả khảo sát. Xét theo các mức của chuẩn năng lực thì có 50,93% số HS đạt mức cận trên chuẩn trở lên đối với môn *Toán*, trong đó 11,20% đạt mức giỏi, 4,17% đạt mức xuất sắc; với môn *Tiếng Việt* cũng tương tự, có 55,02% số HS đạt mức cận trên chuẩn trở lên, trong đó 13,92% đạt mức giỏi, 1,47% đạt mức xuất sắc. Tương ứng với kết quả đạt chuẩn năng lực, điểm trung bình chung của HS ở môn *Toán* là 504,13 điểm, ở môn *Tiếng Việt* là 503,91 điểm. Tỷ lệ HS đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng ở hai môn đều đạt mức trên 50%. Môn *Toán*: phần TNKQ có tỷ lệ HS đạt chuẩn trên 60%, phần tự luận là trên 50%. Kết quả môn *Tiếng Việt* các vùng miền đều có tỷ lệ HS đạt chuẩn trên 70%. Tỷ lệ HS của 12 tỉnh đạt chuẩn môn *Toán* phần TNKQ là 69,82%, phần tự luận là 59,20%; ở môn *Tiếng Việt* phần TNKQ là 78,39%, phần tự luận là 83,94%.

Từ các kết quả trên cho thấy, trên phạm vi mẫu khảo sát, đa số HS lớp 5 còn hạn chế về phát triển năng lực, do vậy cần đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS.

3. Một số khuyến nghị qua 2 kì khảo sát đánh giá 2011, 2014

Xuất phát từ phân tích kết quả khảo sát và ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng giáo dục tiểu học, một số khuyến nghị dưới đây cần được lưu ý thực hiện tốt: - Nâng cao năng lực quản lý nhà trường cho đội ngũ hiệu trưởng; - Thực hiện một số giải pháp nâng cao năng lực dạy học cho GV tiểu học; - Gia tăng thời lượng học tập trong trường tiểu học, phương án tích cực nhất là thực hiện mô hình dạy học cả ngày trên toàn quốc; - Có giải pháp khắc phục sự chênh lệch kết quả học tập môn *Tiếng Việt* giữa HS dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số; - Sử dụng báo cáo về *Hướng dẫn GV tiểu học dạy học môn Toán và Tiếng Việt* dựa trên kết quả khảo sát để biên soạn tài liệu bồi dưỡng GV tiểu học về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực HS; - Biên soạn một số tài liệu hướng dẫn quá trình kiểm tra, đánh giá trên lớp theo hướng phát triển năng lực của HS, đặc biệt là quy trình xây dựng các bộ đề kiểm tra, kỹ thuật viết các câu hỏi đánh giá. □

Tài liệu tham khảo

- [1] SEQAP (2011). *Tài liệu hướng dẫn khảo sát kết quả học tập của học sinh lớp 5 năm học 2010-2011*.
- [2] SEQAP (2013). *Khảo sát kết quả học tập môn Toán và Tiếng Việt của học sinh lớp 5 năm học 2010-2011* (Báo cáo số 1).
- [3] SEQAP (2013). *Hướng dẫn giáo viên trường tiểu học dạy Toán và Tiếng Việt qua đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 5 năm học 2010-2011* (Báo cáo số 2).
- [4] SEQAP (2013). *Tóm tắt kết quả học tập môn Toán và Tiếng Việt của học sinh lớp 5 năm học 2010-2011 - Những phát hiện và khuyến nghị chính sách* (Báo cáo số 3).
- [5] Bộ GD-ĐT (2015). *Khảo sát kết quả học tập môn Toán và Tiếng Việt của học sinh lớp 5, năm học 2013-2014* (Trung tâm Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Báo cáo số 1).